

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/DS-PT

Ngày 30/10/2020

V/v “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.

Các Thẩm phán: Bà Mai Vương Thảo.

Ông Trần Hoài Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Ngô Văn Hùng- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2020 về “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DSST ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 66/2020/QĐ-PT ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thanh T. Sinh năm: 1975; Địa chỉ: Tổ 26, phường H, quận L, TP. Đ. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Đào Thị Q. Sinh năm: 1984; Địa chỉ: 14 đường H, tổ 23 phường H, quận L, TP. Đ.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Nguyễn Trung T. Sinh năm: 1971; Địa chỉ: 45 đường N, phường H, quận H, TP. Đ. (Theo giấy ủy quyền ngày 23/3/2020). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Nguyễn Phước C – Luật sư Công ty luật TNHH Đông Phương Luật - Chi nhánh Đ thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; Địa chỉ: 276 đường C, quận T, TP. Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Đình D– Sinh năm: 1981; Trú tại: 14 đường H, tổ 23 phường H, quận L, TP. Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Đào Thị Q là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Thanh T trình bày:* Do có mối quan hệ quen biết nên bà T cho bà Q mượn tiền nhiều lần với tổng số tiền là 520.000.000 đồng, thể hiện tại giấy nhận tiền ngày 28/8/2016. Tại đơn khởi kiện và phiên hòa giải ngày 10/01/2019, do bà Q mượn tiền bà T nhiều lần và ký vào nhiều giấy nhận tiền, nên bà T tính số tiền bà Q mượn không đúng, số tiền 70.000.000 đồng tại giấy nhận nợ ghi ngày 24/4/2016 và số tiền 50.000.000 đồng tại giấy nhận nợ không ghi ngày tháng của năm 2016, đã được tính vào số tiền 520.000.000 đồng. Bà T đã nhiều lần yêu cầu bà Q trả số tiền đã mượn nhưng bà Q không thực hiện. Nay bà T yêu cầu Tòa án buộc bà Q phải trả cho bà T số tiền còn nợ là 520.000.000 đồng.

- *Bị đơn là bà Đào Thị Q cũng như người đại diện theo ủy quyền của bà Q trình bày:* Khoảng tháng 08/2015, bà Q có vay của bà T 5.000.000 đồng, sau đó 03 ngày thì bà Q đã trả đủ cho bà T và tiếp tục mượn của bà T số tiền

5.000.000 đồng (lãi suất 3.000.000 đồng/tháng) để bán bún. Đến cuối năm 2018, bà Q đã trả đủ cho bà T số tiền cả gốc và lãi là 100.000.000 đồng. Do vậy, bà Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc trả số tiền 520.000.000 đồng và cho rằng bà T đã giả mạo chữ viết và chữ ký ghi tên của bà Q vào giấy nhận tiền ngày 28/8/2016, bà Q hoàn toàn không biết và ký vào giấy nhận tiền này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đình D trình bày: Ông D thống nhất với ý kiến trình bày của bà Đào Thị Q và không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DSST ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng đã xử và quyết định:

Căn cứ: Các Điều 463, 466 và 469 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Các Điều 161, 235, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thanh T đối với bà Đào Thị Q về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”.

Xử: Buộc bà Đào Thị Q phải thanh toán một lần cho bà Huỳnh Thị Thanh T số tiền 520.000.000 đồng (*Năm trăm hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đào Thị Q phải chịu: 24.800.000 đồng. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí 14.800.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0005891 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu.

3. Chi phí tố tụng đối với yêu cầu trưng cầu giám định: Bà Đào Thị Q phải chịu: 510.000 đồng (Theo phiếu thu ngày 01 tháng 4 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng), bà Huỳnh Thị Thanh T tự nguyện chịu: 5.000.000 đồng (Theo Phiếu thu ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại TP. Đà Nẵng). Đã thu và chi xong.

Ngoài ra án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/3/2020, bà Đào Thị Q có đơn gửi đến Tòa án kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Bản án tuyên không đảm bảo khách quan và đầy đủ, đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Q nên bà yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thanh T về việc buộc bà phải trả cho bà T số tiền 520.000.000 đồng theo giấy nhận tiền ghi ngày 28/8/2016 vì bà cho rằng bà không mượn tiền của bà T số tiền này. Ngày 17/4/2020, bà Đào Thị Q có đơn kháng cáo bổ sung không đồng ý kết luận 421 vì các mẫu tài liệu so sánh để giám định: (M1, M2, M3, M4) là các mẫu tài liệu không phải do bà Q cung cấp cho Tòa án mà các mẫu này bà T giả mạo và tự cung cấp cho cơ quan giám định. Hai kết luận giám định của hai cơ quan giám định là Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng và Phân viện Khoa học hình sự tại Đà Nẵng, cùng một nội dung giám định, cùng mẫu tài liệu so sánh (đối với mẫu của Phân viện Khoa học hình sự tại Đà Nẵng nếu trừ các mẫu bà T cung cấp: (M1, M2, M3, M4) mà kết luận hoàn toàn đối nghịch nhau. Một bên kết luận là không đủ cơ sở kết luận cùng một người ký và viết ra; một bên kết luận là cùng một người ký và viết ra. Các kết luận đối nghịch nhau nhưng cấp sơ thẩm sử dụng kết luận giám định có lợi cho nguyên đơn và không triệu tập giám định viên, giải thích kết luận trái ngược nhau là hoàn toàn không khách quan, vi phạm tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Q nên bà bổ sung, làm rõ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Trung T; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư Nguyễn Phước C; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đình D đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với họ theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà Đào Thị Q thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đào Thị Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

[2.1] Ngày 11/01/2019, bà Đào Thị Q đề nghị Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng giám định chữ ký và chữ viết: Đào Thị Q phía dưới dòng chữ: Người nhận tiền của giấy nhận tiền ghi ngày 28/8/2016, số tiền 520.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi triệu đồng). Ngày 25/02/2019, Tòa án nhân dân quận liên Chiểu ra Quyết định số: 01/2019/QĐ-TCGD về việc trưng cầu giám định. Ngày 01/4/2019, Kết luận giám định số: 14/GĐ-TL của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng: *“Không đủ cơ sở để kết luận chữ ký mang tên Đào Thị Q và chữ viết có nội dung “Đào Thị Q” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký và chữ viết của Đào Thị Q trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M12 có phải do cùng một người ký và viết ra hay không”*.

[2.2] Ngày 19/4/2019, bà T có đơn đề nghị Tòa án trưng cầu Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng giám định chữ viết và chữ ký của bà Đào Thị Q. Ngày 22/4/2019, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: 03/2019/QĐTCGD. Ngày 22/5/2019, Kết luận giám định số: 421/C09C(Đ2) của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng: *“Chữ ký và chữ viết ghi tên Đào Thị Q phía dưới dòng chữ “Người nhận tiền” trên giấy nhận tiền ghi ngày 28 tháng 8 năm 2016 với chữ ký, chữ viết ghi tên Đào Thị Q trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra”*.

[2.3] Ngày 15/01/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự do không có sự việc phạm tội.

[2.4] Bà Q không đồng ý với Kết luận giám định số: 421/C09C(Đ2) ngày 22/5/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng nên làm đơn kháng cáo vì cho rằng các mẫu tài liệu so sánh ký hiệu M1, M2, M3, M4 không do bà Q ký và viết mà do bà T giả mạo để cung cấp cho Tòa án.

[2.5] Tại giai đoạn phúc thẩm, ngày 15/5/2019, bà Đào Thị Q đề nghị trung cầu giám định lại tại Viện Khoa học Hình sự Bộ Công an.

[3] HĐXX xét thấy: Bà Đào Thị Q không đồng ý với Kết luận giám định số: 421/C09C(Đ2) ngày 22/5/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng vì các mẫu tài liệu so sánh để giám định: (M1, M2, M3, M4) là các mẫu tài liệu không phải do bà Q cung cấp nên bà Q đề nghị giám định lại là hoàn toàn có cơ sở. Bởi lẽ: Các mẫu M1 là giấy nhận (mượn) tiền ngày 24/4/2016 với số tiền 70.000.000 đồng; mẫu M3 là giấy nhận tiền không có ngày tháng năm với số tiền không rõ; mẫu M4 là giấy trả góp có chữ ký và chữ viết của bà Đào Thị Q. Đây là các mẫu do nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Thanh T cung cấp, đồng thời các mẫu này ban đầu là tài liệu cần giám định, bà Đào Thị Q hoàn toàn không thừa nhận chữ ký và chữ viết trên giấy nhận tiền do bà ký và viết ra. Do vậy, cấp sơ thẩm dùng các mẫu này làm các mẫu tài liệu để so sánh là không khách quan và không đảm bảo đúng trình tự thu thập chứng cứ. Tại giai đoạn phúc thẩm, Tòa án đã loại 4 mẫu này và tiếp tục thu thập chứng cứ tại Công ty Đồ chơi trẻ em (KVN/MVN) là nơi bà Huỳnh Thị Thanh T và bà Đào Thị Q hiện nay đang làm việc. Căn cứ vào đơn yêu cầu giám định lại, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng ra Quyết định trung cầu giám định lại số: 43/2020/QĐ-TCGD ngày 10/6/2020 gồm 34 mẫu vừa sử dụng lại các mẫu cũ và sử dụng mẫu mới làm mẫu tài liệu so sánh, được bà T và ông Nguyễn Trung T là người đại diện theo ủy quyền của bà Q đều thống nhất.

[3.1] Ngày 25/9/2020, Kết luận giám định số: 193/C09-P5 của Hội đồng giám định Viện Khoa học Hình sự Bộ Công an: “*Chữ ký, chữ viết đúng tên Đào*

Thị Q dưới mục “Người nhận tiền” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Đào Thị Q trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M6 đến M15 và từ M18 đến M34, chữ viết đứng tên Đào Thị Q trên các mẫu so sánh ký hiệu M5 đến M34 do cùng một người ký, viết ra”.

[3.2] Tại phiên tòa, bà T cho rằng bà đưa tiền cho bà Q nhiều lần. Khi giao tiền thì đưa trực tiếp cho bà Q, không có ông D nhưng sau này ông D có biết việc bà Q mượn tiền của bà. Vì vậy, bà yêu cầu bà Q phải có nghĩa vụ trả cho bà một lần số tiền 520.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

[3.3] Như vậy, căn cứ vào Kết luận giám định số: 193/C09-P5 ngày 25/9/2020 của Hội đồng giám định Viện Khoa học Hình sự Bộ Công an, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Đào Thị Q. Việc cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, tuyên buộc bà Đào Thị Q phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Thanh T số tiền 520.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật. Bà T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4]. Về án phí DSST: Bà Đào Thị Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5]. Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Đào Thị Q phải chịu án phí DSPT.

[6]. Về chi phí tố tụng: Đối với yêu cầu trưng cầu giám định: Bà Đào Thị Q phải chịu: 510.000 đồng (Theo phiếu thu ngày 01/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng), bà Huỳnh Thị Thanh T tự nguyện chịu: 5.000.000 đồng (Theo Phiếu thu ngày 23/5/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại TP. Đà Nẵng). Bà Đào Thị Q phải chịu: 7.050.000 đồng (Theo giấy nộp tiền ngày 18/6/2020 là 2.050.000 đồng và 5.000.000 đồng). Đã thu và chi xong.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố

tụng dân sự, giữ nguyên án sơ thẩm với nội dung không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đào Thị Q.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 296, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Các Điều 280, 463, 466 và 469 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đào Thị Q.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DSST ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thanh T đối với bà Đào Thị Q về việc "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền".

Xử: Buộc bà Đào Thị Q phải có nghĩa vụ trả một lần cho bà Huỳnh Thị Thanh T tổng số tiền 520.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.2. Án phí DSST: Bà Đào Thị Q phải chịu: 24.800.000 đồng (Hai mươi bốn triệu tám trăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí 14.800.000 đồng (Mười bốn triệu tám trăm ngàn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0005891 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

2.3. Án phí DSPT: Bà Đào Thị Q phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004292 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu;
- Chi cục THA dân sự quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bé